TTĐTCP

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 1/4/16

NGHỊ ĐỊNH
Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Toà án nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

2. Cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

6. Cơ quan quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

7. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài liệu về xử lý vi phạm hành chính là các văn bản, giấy tờ, bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu trong bộ nhớ của các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chứa đựng thông tin về vụ việc xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Dữ liệu điện tử về xử lý vi phạm hành chính là những thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính được số hóa.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là tập hợp dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính được xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thông qua phương tiện điện tử nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Tuân thủ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định này.

2. Bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời.

3. Phân định rõ ràng quyền hạn, trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Khai thác, sử dụng đúng mục đích, bảo đảm bí mật thông tin của tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính.

5. Quản lý chặt chẽ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Điều 5. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Kinh phí đầu tư xây dựng, mở rộng và nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn vốn nhà nước hợp pháp khác.

2. Kinh phí giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý, cập nhật thông tin, đào tạo sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hằng năm.

Điều 6. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận dữ liệu.

3. Làm sai lệch hoặc thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái phép.

4. Cung cấp thông tin trái pháp luật hoặc lợi dụng việc cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính để trục lợi.

5. Phá hoại cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin hoặc phát tán vi rút máy tính.

6. Sử dụng thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính không đúng mục đích.

Điều 7. Sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được sử dụng chính thức trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật.

Chương II
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục 1
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ DUY TRÌ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 8. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được xây dựng tập trung, thống nhất, dùng chung trên toàn quốc.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được xây dựng phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Thiết kế cấu trúc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm việc mở rộng và phát triển.

Điều 9. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Thông tin về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

a) Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính:

Trường hợp đối tượng vi phạm là cá nhân: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số chứng minh Công an nhân dân hoặc số chứng minh quân nhân hoặc số hộ chiếu (nếu có); giới tính.

Trường hợp đối tượng vi phạm là tổ chức: Tên tổ chức; địa chỉ trụ sở; mã số (đối với doanh nghiệp) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số Giấy phép thành lập/số Đăng ký hoạt động (đối với tổ chức khác); họ và tên của người đại diện theo pháp luật hoặc chủ doanh nghiệp hoặc người đứng đầu tổ chức.

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Hành vi vi phạm; hình thức xử phạt, mức phạt; biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

d) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; chức danh của người ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Thông tin về việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

a) Hoãn thi hành quyết định phạt tiền; tạm đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

b) Giảm, miễn tiền phạt; nộp tiền phạt nhiều lần (số tiền đã nộp phạt, số tiền chưa nộp phạt (nếu có);

c) Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

d) Thời điểm chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

đ) Khiếu nại, khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

3. Thông tin về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính:

a) Họ và tên người vi phạm; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có); giới tính;

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Hành vi vi phạm;

d) Biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng;

đ) Thời hạn áp dụng;

e) Hoãn, miễn; giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

g) Thời điểm chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

h) Cơ quan hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

i) Khiếu nại, khởi kiện, kiến nghị, kháng nghị Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (nếu có).

4. Thông tin về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình:

a) Họ và tên người chưa thành niên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có); giới tính;

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

c) Lý do áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

d) Thời hạn áp dụng, ngày thi hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

đ) Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát;

e) Thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có); lý do của việc chấm dứt; biện pháp xử lý tiếp theo;

g) Thời điểm chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

h) Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; chức danh của người ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

i) Khiếu nại, khởi kiện Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có).

Điều 10. Trách nhiệm cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính,